

Bản án số: **62/2018/DS-ST**.

Ngày: **19-11-2018**

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**

- *Các Hội thẩm nhân dân*

1/ Ông Ngô Thành Long

2/ Bà Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vàng**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thân Mến, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2018/TLST – DS ngày 19/9/2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2018/QĐXXST – DS ngày 02/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm T**, sinh năm 1975 (Có mặt)

Ông Nguyễn K, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp C, xã A, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

Ông K ủy quyền cho bà T theo văn bản ủy quyền ngày 06/10/2018

2. Bị đơn:

Bà **Triệu M** (Có mặt)

Ông Trần TW, sinh năm 1967 (Có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt)

Chị Trần N, sinh năm 1992 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Anh Nguyễn NH, sinh năm 1988 (Có mặt)

Cùng địa chỉ, khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn H**, sinh năm 1966 (Có mặt tại tòa)
 - Bà **Trần TR**, sinh năm 1966 (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: ấp Đ, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện lập ngày 07/9/2018 cũng như trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm T trình bày:**

Trước đây bà không nhớ cụ thể năm nào bà có cho vợ chồng bà Triệu M cùng ông Trần TW hỏi vay số tiền 70.000.000đồng, lãi suất 3%/tháng và số tiền này vợ chồng bà M đã trả vốn và lãi xong. Sau đó không nhớ cụ thể khoảng ngày tháng nào mà khoảng năm 2015-2016 thì vợ chồng bà M, ông TW tiếp tục hỏi tiền vợ chồng bà nhiều lần tổng số tiền 320.000.000đồng tiền gốc, sau đó thì có nhờ bà hỏi người khác 40.000.000 đồng để lấp phần lãi cho bà hỏi của người khác nên khi làm biên nhận nợ có để số tiền 40 triệu đồng. Quá trình hỏi tiền thì hai bên cũng thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Phía vợ chồng bà M cũng có đóng tiền lãi cho vợ chồng bà nhưng bà không nhớ rõ số tiền lãi đã đóng bao nhiêu. Sau đó vợ chồng bà M có thỏa thuận chia phần tiền hỏi vay ra làm hai biên nhận, một biên nhận vợ chồng bà M ký nhận số tiền nợ gốc là 150.000.000đồng, có để số tiền nợ bà lấp lãi dùm 40.000.000đồng, nên ký nhận nợ 190.000.000đồng. Và vợ chồng con của bà M là Nguyễn NH và Trần N ký nhận nợ số tiền gốc là 170.000.000 đồng vì NH có nói với bà là tiền hỏi mua xe tải, rồi xe tải bà M đã để lại cho vợ chồng NH nên gánh nợ tiếp cho vợ chồng bà Mẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà yêu cầu vợ chồng anh NH, chị N trả số nợ gốc là 170.000.000đồng, yêu cầu bà M, ông TW trả số nợ gốc là 150 triệu đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi tính theo quy định pháp luật hiện hành từ ngày 07/9/2018 (ngày làm đơn kiện) đến khi xét xử sơ thẩm, tính tròn 02 tháng tiền lãi, không thống nhất cho trả dần số nợ.

Vợ chồng ông H ký chứng kiến và bảo lãnh phần nợ này nhưng sự việc vợ chồng bà M, vợ chồng chị N đã thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ cho vợ chồng bà nên bà rút lại không yêu cầu vợ chồng ông H chịu nghĩa vụ bảo lãnh.

*** Bị đơn anh Nguyễn NH và chị Trần N trình bày:**

Anh thừa nhận vợ chồng anh có ký vào biên nhận nhận nợ lập ngày 02/11/2017 (âl) nhận số nợ tiếp cha mẹ vợ của anh là 170.000.000đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Cha mẹ vợ của anh hỏi vay của bà T số tiền vốn là 320.000.000đồng để mua xe tải, xe vợ chồng anh chạy nên vợ chồng anh có tiếp cha mẹ anh gửi trả lãi theo như mẹ vợ anh bà Triệu M trình bày là đúng. Phần tiền lãi suất đóng theo thỏa thuận trước đây anh không yêu cầu tính lại nữa. Anh thống nhất chịu nợ tiếp cho cha mẹ vợ anh là bà M và ông TW số tiền 170.000.000đồng và trả tiền lãi suất theo yêu cầu của bà T, anh hiện nay không

có khả năng trả một lần nên yêu cầu được trả hàng tháng 2.000.000đồng, vợ chồng anh sẽ trả liên tiếp đến khi dứt nợ.

*** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Triệu M trình bày:**

Bà thừa nhận có hỏi nợ của vợ chồng bà Phạm T số tiền lần đầu là 70.000.000đồng, lãi suất 3%/tháng và đã trả xong số tiền vốn và lãi phần này. Sau đó vợ chồng bà có hỏi bà T nhiều lần lên đến số tiền 320.000.000đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) là nợ gốc, còn số tiền mà bà ký nhận trong biên nhận nợ số tiền 40.000.000đồng trong biên nhận 190.000.000đồng là tiền lãi. Vợ chồng bà hỏi nợ để mua xe tải, xe cuốc nhưng vợ chồng bà làm ăn thất bại nên không có khả năng trả nợ cho vợ chồng bà T. Vợ chồng bà có cùng với vợ chồng con bà là NH và N gửi trả lãi cho vợ chồng bà T nhiều lần, số tiền 70.000.000đồng thì đóng lãi hàng tháng là 2.800.000 đồng, còn số tiền 250.000.000đồng thì đóng lãi hàng tháng là 8.500.000đồng. Số tiền nợ gốc là 320.000.000đồng trong đó số nợ của vợ chồng bà là 150.000.000đồng, số tiền nợ con bà là NH, N là 170.000.000đồng. Bà đồng ý mượn nợ là trả nợ, bà đồng ý trả nợ gốc là 150.000.000đồng và lãi theo yêu cầu của bà T, còn số tiền lãi đã đóng trước bà không nhớ đã đóng phần của bà bao nhiêu nhưng đóng rồi thì xem như xong, bà không yêu cầu tính lại số tiền lãi. Bà yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng chứ còn trả một lần bà không có khả năng trả được. Phần nợ ông Tư có biết vì tiền mua xe cuốc, xe tải.

*** Tại biên bản lấy khai ngày 15/10/2018 ông Trần TW trình bày:**

Ông không có vay tiền bà T mà vợ ông vay, lúc nhận tiền ông cũng không có chứng kiến, cho vay 02 năm mới làm biên nhận, ông không có ký biên nhận nợ nhưng không yêu cầu giám định chữ ký. Bà M vay tiền để mua xe cuốc, xe tải. Việc bà M vay tiền bà T ông không biết nên không đồng ý việc bà T kiện đòi nợ ông cùng bà M phải có trách nhiệm trả nợ cho bà T, chuyện hỏi nợ là giữa bà M và bà T, bà M cũng đồng ý cho bà T lấy xe tải trừ nợ lúc nào cũng được.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H trình bày:**

Việc hai bên hỏi nợ thì ông có chứng kiến, ông biết việc vợ chồng bà M thiếu số tiền vợ chồng bà T 320.000.000đồng tiền vốn gốc và lãi suất, ông chỉ chứng kiến sự việc chứ không có bảo lãnh gì số tiền này hết, ông có ký vào biên nhận nợ ngày 02/11/2017 nhưng chữ ký của bà TR vợ ông là do ông ký thay, vợ chồng bà M cũng thừa nhận nợ, nợ của vợ chồng bà M thì vợ chồng bà M tự trả nợ, chứ nghĩa vụ bảo lãnh thì ông không đồng ý. Việc hỏi nợ của bà T ông TW cũng biết vì có lần ông TW có đến nhà bà T nhận tiền, hơn nữa tiền này để về mua xe tải phục vụ chung trong gia đình ông TW. Nay ông không có ý kiến yêu cầu gì.

*** Phát biểu của kiểm sát viên:** Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Việc bà T có cho vợ chồng ông TW, bà M vay tiền là có xảy ra trên thực tế việc này ông TW, bà M cũng đã thừa nhận. sau khi vay phía vợ chồng ông TW, bà M lấy tiền mua xe tải về phục vụ làm ăn kinh tế gia đình trong đó có phần của vợ chồng N và NH cũng có sử dụng xe này nên anh chị đã thống nhất nhận một phần nợ thay cho ông TW, bà M việc này các bên cũng đã thừa nhận đây là tình tiết không cần chứng minh. Hơn nữa việc hỏi vay cũng có làm biên nhận các bên thừa nhận. Sau khi vay phía bên người vay đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình cụ thể là từ tháng 02/2018 đến nay không trả vốn, đóng lãi cho bà T, nên tại phiên tòa hôm nay bà T yêu cầu ông TW, bà M, anh NH, chị N trả nợ còn thiếu và yêu cầu tính lãi theo quy định là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay ông Trần TW, chị Trần N, bà Trần TR vắng mặt nhưng trước đó ông TW, chị N, bà TR cũng đã có lời trình bày và cũng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Những người có mặt tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt họ nghĩ nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông TW, chị N, bà TR.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm T yêu cầu bà Triệu M, ông Trần TW trả số tiền nợ vay còn thiếu 150.000.000đồng, yêu cầu anh Nguyễn NH, chị Trần N trả số tiền nợ vay 170.000.000đồng còn thiếu của bà T. HĐXX nhận thấy việc bà T có cho vợ chồng ông TW, bà M vay tiền là có xảy ra trên thực tế việc này ông TW, bà M cũng đã thừa nhận. Sau khi vay phía vợ chồng ông TW, bà M lấy tiền mua xe tải về phục vụ làm ăn kinh tế gia đình và giao cho vợ chồng N và NH một chiếc xe cho nên vợ chồng anh NH, chị N đã thống nhất nhận một phần nghĩa vụ trả nợ cho bà T thay cho vợ chồng bà M với số nợ là 170.000.000đồng, có làm biên nhận cho bà T việc này các bên cũng đã thừa nhận đây là tình tiết không cần chứng minh. Sau khi vay tiền đến tháng 02/2018 phía bên vay phía bên người vay đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình cụ thể không trả vốn, đóng lãi cho bà T, nên tại phiên tòa hôm nay bà T yêu cầu ông TW, bà M, anh NH, chị N trả nợ còn thiếu là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nghĩ nên chấp nhận.

Xét thấy từ khi vay đến tháng 02/2018 phía vợ chồng ông TW, bà M, anh NH, chị N đã không đóng lãi, trả vốn cho bà T việc này các bên cũng đã thừa nhận cho nên tại phiên tòa hôm nay bà T yêu cầu phía bên vay trả lãi của số tiền chưa thanh toán từ ngày 07/9/2018 cho đến ngày 19/11/2018 (xét xử sơ thẩm) là

phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, xét thấy từ ngày 07/9/2018 đến ngày 19/11/2018 là 02 tháng 12 ngày nhưng nay bà T chỉ yêu cầu tính 02 tháng tiền lãi việc này có lợi cho phía bị đơn và phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Như vậy, bà Triệu M, ông Trần TW trả cho bà Phạm T và ông Nguyễn K số tiền vốn 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và 4.980.000đồng tiền lãi ($150.000.000\text{đồng} \times 1,66\% \times 02 \text{ tháng}$). Tổng cộng 154.980.000đồng; anh Nguyễn NH, chị Trần N trả cho bà Phạm T và ông Nguyễn K số tiền vốn 170.000.000đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và 5.644.000đồng tiền lãi ($170.000.000\text{đồng} \times 1,66\% \times 02 \text{ tháng}$). Tổng cộng 175.644.000đồng.

[3] Đối với ông Trần TW mặc dù không trực tiếp ký biên nhận nợ nhưng ông xác định việc nợ này là mục đích để mua xe tải, xe cuốc nhằm tạo thu nhập phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Vì vậy: bà T yêu cầu ông TW có trách nhiệm cùng bà M trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[4] Tại tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát thị xã Ngã Năm phát biểu và đề nghị như trên là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Án phí ông TW, bà M phải chịu 7.749.000đồng ($154.980.000\text{đồng} \times 5\%$); anh NH, chị N phải chịu 8.782.200đồng ($175.644.000\text{đồng} \times 5\%$) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà T được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014
- Áp dụng khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm T và ông Nguyễn K về việc yêu cầu bà Triệu M, ông Trần TW, anh Nguyễn NH, chị Trần N trả tiền vốn và lãi vay.

Buộc bà Triệu M, ông Trần TW trả cho bà Phạm T và ông Nguyễn K số tiền 154.980.000đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng); Anh Nguyễn NH, chị Trần N trả cho bà Phạm T và ông Nguyễn K số tiền 175.644.000đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà T, ông K có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng Triệu M, ông Trần TW, anh Nguyễn NH, chị Trần N còn phải trả lãi cho bà T, ông K theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

Đình chỉ yêu cầu ông H và bà TR có trách nhiệm trả phần nợ nêu trên của bà T, ông K đối với ông H, bà TR.

[2] Về án phí sơ thẩm:

Bà M và ông TW chịu 7.749.000đồng tiền án phí; Anh NH, chị N chịu 8.782.200đồng tiền án phí. Bà T được trả lại tiền tạm ứng án phí 9.991.000đồng theo biên lai thu số 0005038 và 0005039 ngày 19/9/2018 của Chi cục thi hành án thị xã Ngã Năm.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh